

Bản án số: **14/2023/HS-ST**
Ngày: 21-4-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Đình Chi - Trưởng phòng Văn hoá thông tin huyện K;
2. Bà Đinh Thị Toại - Bí thư Huyện đoàn huyện K.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Thái Đình D, tên gọi khác là: **D Nga**, sinh ngày 01/01/1974 tại Bình Sơn, Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn 5, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã Sơ Pai, huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; con ông Thái Đình T và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết), bị cáo có vợ là Trần Thị N và 02 người con lớn sinh năm 2000 và nhỏ sinh năm 2006.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 13/01/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (*viết tắt là TNHH MTV*) Lâm nghiệp L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Khắc H - Chức vụ: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L;

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Mai Quang H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 2, xã Sơ Pai, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Lê Ngọc Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 4, xã Đông, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 2, xã Sơ Pai, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Hà Văn T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn 2, xã Sơ Pai, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng ngày 25 hoặc 26/5/2020, Mai Quang H đi bẫy thú tại khu vực rừng thuộc lô 3, 6, 7, khoảnh 8, tiểu khu 120 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Sơ Pai, huyện K thì phát hiện có một khu rừng có nhiều cây gỗ Bằng lăng còn đứng, đường kính khoảng 60cm đến 70cm. H nảy sinh ý định cắt hạ trái phép số cây gỗ Bằng lăng trên, xẻ hộp bán để lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 09 giờ ngày hôm sau, H gọi điện cho Lê Ngọc Q nói “*Anh có vào xã Sơ Pai không, em nói chuyện tý*”. Lúc sau, Q đến nhà H thì H nói “*Đợt này bọn em đói, anh có lấy gỗ Bằng lăng không thì bọn em đi làm*”. Q hỏi “*Bọn bay làm ở đâu?*” H trả lời “*Có khu rừng cây Bằng lăng giáp xã Sơ Pai, xã Đăk Smar của lâm trường 7*” (lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku quản lý). H hỏi “*Anh có biết bảo vệ rừng thì nói để em vào cắt cây*”, thì Q nói “*Cái đó để anh lo*”, nói xong, Q đi về. H tiếp tục điện thoại cho Nguyễn Văn L nói “*Em thấy bãi cây gỗ Bằng lăng bên lâm trường 7 giáp ranh xã Sơ Pai, xã Đăk Smar, anh có lấy gỗ đó không để em gọi quân đi làm*”, L nói “*Mày cứ đưa gỗ xẻ đến chỗ ô tô bốc tao tính 3.500.000 đồng/m³*” (ba triệu, năm trăm nghìn đồng trên một mét khối), H đồng ý và nói “*Khi nào làm có hàng thì em gọi*”.

Chiều cùng ngày hôm đó, Q gọi điện thoại cho L nói “*Thằng H thấy bãi gỗ Bằng lăng bên lâm trường 7, khu giáp ranh xã Sơ Pai, xã Đăk Smar, nó hỏi tao mua hàng không để gọi quân đi làm, tao với mày chung tiền mua chở ra K bán kiếm ít đồng*”, L đồng ý và nói “*H gọi tôi rồi, tôi báo giá 3.500.000 đồng/m³*”, Q nói “*Mày gặp nó (H) sắp xếp công cán đi làm*”, thì L nói “*Để tôi gặp nó (H) nói chuyện cho rõ ràng rồi mới đi làm*”.

Khoảng 09 giờ ngày 01/6/2020, Q điện thoại cho H nói “*Tụi bay vô bãi Bằng lăng làm đi*”, thì H hỏi “*Luật lá thế nào*” (nghĩa là xin nhân viên bảo vệ rừng để khai thác gỗ trái phép), Q nói dối “*Tao lo xong rồi*” và thống nhất với H “*Tụi bay cứ cắt xẻ hộp bo (chở gỗ bằng xe máy) ra tới đường ô tô bốc, tao tính 3.500.000 đồng/m³*”, H đồng ý nói “*Cho em ứng ít tiền xăng nhớt đi làm*”, Q nói với H “*Tý L vô đưa tiền*”.

Sau đó, H gọi điện thoại cho Nguyễn Minh D và Thái Đình D rủ đi cắt hạ cây gỗ Bằng lăng, xẻ hộp bán cho Q tại rừng với giá như thỏa thuận. Vì muốn có tiền tiêu xài nên Thái Đình D và Nguyễn Minh D đồng ý và gọi điện thoại rủ thêm Hà Văn T đi khai thác gỗ Bằng lăng trái phép, T đồng ý.

Cùng thời điểm trên, Q gọi điện thoại cho L nói vào xã Sơ Pai gặp H để sắp xếp việc khai thác gỗ. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, L điều khiển xe máy BKS 72L9-0178 đến nhà H nói chuyện và đưa cho H ứng 2.000.000 đồng. L thống nhất với H là xẻ hộp gỗ theo quy cách rộng, dày từ 20cm trở lên, dài từ 02m đến 2,2m và vận chuyển ra đến đường ô tô bốc tính giá 3.500.000 đồng/m³.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi mua xăng nhớt, thức ăn, nước uống, vật dụng cần thiết và chuẩn bị cửa xăng, Mai Quang H, Nguyễn Minh D, Thái Đình D, Hà Văn T đi xe máy theo đường làng Tơ Kơ, xã Sơ Pai đến ngã ba Hòa Thật gặp L rồi cả bọn vào khu vực đám cây gỗ Bằng lăng. Đến nơi, H, Minh D, Đình D và T đi bộ vào gốc cây còn

L ngồi ở bãi đậu gần đó quan sát, cảnh giới. H dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Bằng lăng thứ nhất còn đứng, lá tươi (cây số **21** theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/6/2020) đổ xuống đất, làm đổ lây 01 cây gỗ Bằng lăng thứ hai (cây đổ lây theo Biên bản thực nghiệm điều tra ngày 27/6/2020). Minh D dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Bằng lăng thứ ba còn đứng, lá tươi (cây số **19** theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/6/2020) đổ xuống đất rồi cùng H cắt lóng, xẻ hộp; Đình D và T phụ bật mực, bắn lật gỗ. Lúc này, nghe L thông báo đã cắt hạ cây, Q lái xe vào hiện trường gặp H hỏi “*Cây có bọng không*” thì H nói “*Không*”. L và Q đứng một lúc rồi đi về. H, Minh D, Đình D, T thay phiên nhau cắt lóng, xẻ hộp hết 03 cây gỗ Bằng lăng đã cắt hạ và xẻ tận dụng thêm 01 lóng gỗ Bằng lăng khô đường kính 35cm, dài 2,1m. Đến 03 giờ sáng ngày 02/6/2020, H cùng đồng phạm xẻ xong 03 cây gỗ Bằng lăng và 01 lóng gỗ Bằng lăng khô được tổng cộng 30 hộp gỗ thì ngủ tại gốc tới 06 giờ sáng cùng ngày.

Khi thức dậy, H gọi điện thoại cho L nói “*Anh mua cho tui em 15 hộp com, hôm qua làm xuyên đêm*”, L đồng ý nói “*Có gì tao mang vô*”. H tiếp tục gọi điện thoại cho Đình Văn Nhi nói “*Kiểm 04 người vào bo hàng cho anh*” (nghĩa là vận chuyển gỗ bằng xe máy ra đường để ô tô bốc), Nhi đồng ý và hỏi “*Đoạn rừng nào*”, thì H nói “*Cứ vô ngã ba cây Muồng lũng sẽ có người đón*”. Nhi rủ ba người cùng làng là Đình Văn Ngóp, Đình Don và Đình Tít đi chở gỗ, thì cả ba đồng ý.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, Thái Đình D ra ngã ba đón Nhi, Ngóp, Don, Tít vào đám cây Bằng lăng. H thống nhất với Nhi chở gỗ lên bãi đậu tập kết giá 800.000 đồng/người/ngày. Khoảng 10 giờ cùng ngày, L mang com đến đưa cho H rồi Q cũng đi xe máy vào khu vực khai thác gỗ. Tại đây, H nói với L và Q “*Cây gỗ Bằng lăng xẻ có chun anh tính lại cho em vì về Sør Pai giá được 12.000.000 đồng/m³*”. L và Q không đồng ý nói “*Cứ tính hàng khối, 3.500.000 đồng/m³*”. Đến 15 giờ cùng ngày, sau khi được H và T phụ chở thêm chuyến cuối, nhóm của Nhi vận chuyển hết **30** hộp gỗ đến bãi tập kết thứ nhất có tọa độ (OX: 503144; OY: 1575063). Lúc này, trời mưa nên tất cả về nghỉ. Tại nhà H, L đưa cho H ứng 2.000.000 đồng để trả tiền chở gỗ cho nhóm của Nhi. Sau đó, H bỏ thêm 1.200.000 đồng (tổng cộng 3.200.000 đồng) và đưa cho Nhi để trả tiền công cho nhóm người vận chuyển gỗ.

Khoảng 08 giờ ngày 03/6/2020, H, Minh D, Đình D và T tiếp tục vào rừng khai thác gỗ trái phép. Minh D cắt hạ cây gỗ Bằng lăng thứ tư (cây số **20** theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/6/2020) rồi cùng các đồng phạm thay phiên nhau cắt lóng, xẻ hộp hết cây này được 13 hộp gỗ. Thời điểm này, nhóm của Nhi vào hiện trường chở gỗ vừa xẻ đến bãi tập kết thứ hai có tọa độ (OX: 503284; OY: 1575075). H, T và Minh D phụ nhóm của Nhi chở 01 chuyến cuối cùng thì vận chuyển hết 13 hộp gỗ. Nhóm của Nhi chở thêm 20 hộp gỗ tại bãi tập kết thứ nhất lên bãi tập kết thứ hai rồi đi về. H cùng Minh D, Đình D và T nghỉ ngơi chờ ô tô đến bốc gỗ. Tại rừng, H ứng thêm của Q 3.000.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H phát hiện cây gỗ Bằng lăng thứ năm (cây số **22** theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/6/2020) nên dùng cưa xăng cắt hạ. Đang cắt hạ cây gỗ Bằng lăng thứ năm chưa đổ thì H nghe Q gọi điện thoại thông báo có lực lượng L ngành huyện đi kiểm tra nên H rút cưa xăng rồi nói tắt cả dọn đồ đạc đi về. Sáng ngày 04/6/2020, H vào rừng kiểm tra thì phát hiện cây Bằng lăng thứ năm đã bị ngã đổ và 02 bãi tập kết gỗ còn nguyên nên gọi điện thoại thông báo cho Q, Q rủ L lái xe máy vào hiện trường thì phát hiện lực lượng chức năng đang kiểm tra nên cả hai đi về. Trưa

cùng ngày, H đưa cho Đơn 1.200.000 đồng trả tiền công chở gỗ cho cả nhóm và trả Minh D 400.000 đồng, Đình D 600.000 đồng tiền mua đồ ăn, nước uống, vật dụng phục vụ việc khai thác gỗ trái phép trong những ngày trên. Sau đó, H dùng 800.000 đồng còn lại mua mồi về nhậu tại nhà cùng Minh D, Đình D, Q và L.

Ngày 05/6/2020, các cơ quan chức năng gồm: Hạt kiểm lâm, Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện, UBND các xã Sơ Pai, Đăk Smar và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku tiến hành khám nghiệm hiện trường. Ngày 27/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K phối H cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện, Hạt kiểm lâm huyện, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku, đại diện chính quyền xã Sơ Pai tiến hành thực nghiệm điều tra tại lô 3, 6, 7, khoảnh 8, tiểu khu 120 lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku, thuộc địa giới hành chính xã Sơ Pai, huyện K, thuộc loại **rừng phòng hộ**. Kết quả thực nghiệm điều tra xác định: Mai Quang H, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn L, Thái Đình D, Nguyễn Minh D và Hà Văn T đã tham gia khai thác trái phép 05 cây gỗ Bằng lăng (gồm cây số 19, 20, 21, 22 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/6/2020 và 01 cây đồ lầy do khai thác trái phép cây số 21) và 01 lóng gỗ Bằng lăng. Tổng khối lượng gỗ tròn bị thiệt hại của 05 cây gỗ Bằng lăng và 01 lóng gỗ Bằng lăng là: **12,667m³**.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐG ngày 22/6/2020 và số: 28/KL-HĐĐG ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện K, xác định: Giá trị thiệt hại của 12,667m³ gỗ tròn (chủng loại Bằng lăng) tại thời điểm tháng 6/2020 là: $(93.345.400đ + 9.262.500đ) - (12,667m^3 \times 2.400.000đ/m^3) = 72.207.100$ đồng.

* Giá trị của số gỗ xẻ còn lại tại hiện trường thu giữ được là:

- Giá trị còn lại của 2,827m³ gỗ tròn (chủng loại Bằng lăng) tại thời điểm tháng 6/2020 là: $21.202.500$ đồng - $(2,827m^3 \times 2.400.000đ/m^3) = 14.417.700$ đồng.

- Giá trị còn lại của 6,963m³ gỗ xẻ (chủng loại Bằng lăng) tại thời điểm tháng 6/2020 là: $76.086.400$ đồng - $(6,963m^3 \times 2.400.000đ/m^3) = 59.375.200$ đồng.

* Giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên của 12,667m³ gỗ tròn, thuộc loại rừng phòng hộ, là rừng tự nhiên tại thời điểm tháng 6/2020 là: 288.828.400 đồng.

Ngày 02/02/2021, Tòa án nhân dân huyện K đã xét xử đối với Mai Quang H, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn L, Nguyễn Minh D và Hà Văn T. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2021/HSST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã tuyên phạt: Mai Quang H 15 tháng tù, Nguyễn Minh D 09 tháng tù, Nguyễn Văn L 12 tháng tù, Lê Ngọc Q 09 tháng tù và Hà Văn T 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Mai Quang H, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn L, Nguyễn Minh D và Hà Văn T phải L đới bồi thường cho Nhà nước số tiền là **287.242.600** đồng (*hai trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm đồng*), cụ thể: Bị cáo Mai Quang H phải bồi thường là 86.172.780 đồng, bị cáo Lê Ngọc Q và Nguyễn Văn L phải bồi thường là 57.448.520 đồng; bị cáo Nguyễn Minh D và Hà Văn T phải bồi thường là 43.086.390 đồng.

Ngày 13/01/2023, Thái Đình D ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Các vật chứng, phương tiện L quan đến hành vi phạm tội:

Bà Trần Thị Nga (vợ của Thái Đình D) giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K: **01** (một) xe máy độ chế, không gắn biển số, không có số khung, số

máy, tình trạng đã qua sử dụng; **01** (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: NOKIA, vỏ màu đen, số IMEI1: 355850094696845, số IMEI2: 355850099696840, tình trạng đã qua sử dụng; **01** (một) đèn pin đội đầu màu vàng, tình trạng đã qua sử dụng mà bị cáo Thái Đình D sử dụng vào việc khai thác gỗ trái phép.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đến vụ án gồm Mai Quang H, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn L, Nguyễn Minh D và Hà Văn T đều không yêu cầu bị cáo Thái Đình D phải chịu trách nhiệm dân sự trong vụ này mà sẽ thỏa thuận với bị cáo D sau khi D chấp hành xong hình phạt.

Tại Bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 16/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã truy tố Thái Đình D về tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thái Đình D phạm tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Thái Đình D từ 06 đến 09 tháng tù;

Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đến vụ án gồm Mai Quang H, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn L, Nguyễn Minh D và Hà Văn T đều không yêu cầu bị cáo Thái Đình D phải chịu trách nhiệm dân sự trong vụ này nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy đối với những vật chứng là công cụ phương tiện L quan đến hành vi phạm tội do không còn giá trị sử dụng, gồm:

- 01 (một) xe mô tô độ chế, không gắn biển số, không có số khung số máy, tình trạng xe đã qua sử dụng và hư hỏng;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, số Imel1: 355850094696845, số Imel2: 355850099696840, tình trạng máy đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái đèn pin đội đầu, vỏ màu trắng, tình trạng máy đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Thái Đình D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Thái Đình D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đã nhận ra lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan Mai Quang H và Hà Văn T đều không có ý kiến gì cần tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Thái Đình D phù H với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó có đủ cơ sở để xác định rằng:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, nên vào các ngày 01, 02, 03/6/2020, bị cáo Thái Đình D đã cùng Mai Quang H, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn L, Nguyễn Minh D và Hà Văn T vào rừng tại lô 3, 6, 7, khoảnh 8, tiểu khu 120 lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku, địa giới hành chính xã Sơ Pai, huyện K, thuộc loại **rừng phòng hộ** khai thác gỗ trái phép. Kết quả điều tra xác định các đối tượng đã khai thác trái phép 05 cây gỗ Bằng lăng và 01 lóng gỗ Bằng lăng. Tổng khối lượng gỗ tròn bị thiệt hại của 05 cây gỗ Bằng lăng và 01 lóng gỗ Bằng lăng là: **12,667m³**, giá trị thiệt hại quy thành tiền **361.035.500** đồng. Như vậy, hành vi nêu trên của Thái Đình D đã phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện K là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò của bị cáo trong vụ án được xác định như sau: Bị cáo Thái Đình D tham gia với vai trò là người thực hành, bị cáo phụ bật mược, bắt lật và xẻ hộp gỗ.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường H ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5] Sau khi xem xét nhân thân của bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Thái Đình D là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật mà bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, xâm phạm đến trật tự quản lý về kinh tế và quản lý hành chính của Nhà nước. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm Mai Quang H, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn L, Nguyễn Minh D và Hà Văn T đều không yêu cầu bị cáo Thái Đình D phải chịu trách nhiệm dân sự trong vụ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô độ chế, không gắn biển số, không có số khung số máy, tình trạng xe đã qua sử dụng và hư hỏng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, số Imel1: 355850094696845, số Imel2: 355850099696840, tình trạng máy đã qua sử dụng; 01 (một) cái đèn pin đội đầu, vỏ màu vàng, tình trạng máy đã qua sử dụng. Đây đều là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội, là tài sản của bị cáo không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, do vậy được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thái Đình D phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

[2] Về điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

[3] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Thái Đình D **08 (tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 13/01/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) xe mô tô độ chế, không gắn biển số, không có số khung số máy, tình trạng xe đã qua sử dụng và hư hỏng;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, số Imel1: 355850094696845, số Imel2: 355850099696840, tình trạng máy đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái đèn pin đội đầu, vỏ màu vàng, tình trạng máy đã qua sử dụng.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai)

[6] Về án phí:

Buộc bị cáo Thái Đình D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/4/2023), bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường H bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan;
- Chi cục THADS huyện K;
- (khi án có HLPL);
- Lưu HSPA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Ngọc